

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2018/HSST**
Ngày 13 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ninh Quang Thế

Các vị Hội thẩm nhân dân:

+ Ông(Bà) Phạm Văn Mười

+ Ông(Bà) Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thuý Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông **Dương Phi Cát** là Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố M xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2018/HSST ngày 22/5/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2018/QĐXXST-HS ngày 24/5/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn H L, tên gọi khác: Cu Cao; Sinh ngày 01/01/2000 tại Xã Đ M, huyện N C, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú, nơi thường trú và sinh sống: Ấp T N C A, xã Đ M, huyện N C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn H Đ và bà Cao T H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Đã có tiền án về tội trộm cắp nhưng không xem là tiền án vì khi phạm tội dưới 16 tuổi; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/01/2018 đến nay; Có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Ông Lê V C - Sinh năm 1971; Nơi cư trú: Số 408/3, Q T, khóm 4, phường 5, Tp.M, tỉnh Cà Mau (**Vắng mặt**).

Người có nghĩa vụ liên quan: Bà Cao T H; Sinh năm 1980; Trú tại: Ấp T N C A, Xã Đ M, huyện N C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Buôn bán là mẹ ruột của bị cáo (**Có mặt**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng hơn 01 giờ ngày 11/02/2017, bị cáo Nguyễn H L cùng với Nguyễn V T và 02 người bạn của T tên là P và Đ thuê phòng trọ Lan Anh tại hẻm 19/5 khóm 1, phường 8, thành phố M để sử dụng ma túy. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày P lấy xe ra về nên bị cáo nhờ P chở qua nhà ông Lê V C ở số 408/3 Q T, khóm 4, phường 5, Tp.M. Do hẻm vào nhà ông C nhỏ không dẫn xe vào được nên ông C đậu hai xe mô tô hiệu Hayate màu đỏ đen biển số 69C1-003.78 và Wave RS màu đỏ đen bạc biển số 69C1-058.71 ở đầu hẻm. Bị cáo đi vào nhà thấy ông C và người nhà ông C đang ngủ nên lấy một chìa khóa xe đang để trên đầu tủ rồi đi ra đầu hẻm lấy xe Wave RS đi về nhà trọ Lan Anh rủ T và Đ đi Sông Đốc chơi, Đ từ chối, còn T đồng ý đi.

Bị cáo chở T quay lại nhà ông C kêu T ngồi ngoài xe đợi, rồi tiếp tục vào nhà ông C lấy thêm quần Jean, áo sơ mi, đôi giày mọi, chìa khóa xe và 02 điện thoại di động rồi đi ra kêu T điều khiển xe Hayate, còn bị cáo điều khiển xe Wave RS đi về hướng U Minh, khi đi đến khu vực cầu Khánh An, thì bị cáo và T xảy ra mâu thuẫn, nên T dừng xe và bỏ xe lại bên lề đường quay về. Bị cáo gửi xe Wave RS ở một quán nước gần đó rồi quay về nhà trọ Lan Anh kêu Đ đến chạy xe về dùm. Trên đường đi lấy xe bị cáo cho Đ 01 điện thoại di động vừa trộm được ở nhà ông C. Sau khi lấy được xe, bị cáo để xe Hayate lại nhà trọ Lan Anh và điều khiển xe Wave RS đi chơi và bỏ xe lại nhà một người dân ở phường 5, thành phố M rồi đi bộ về gần nhà anh C, bị anh C phát hiện và trình báo Công an phường 5, thành phố M.

Theo kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 09/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, kết luận: Tính vào thời điểm tháng 02 năm 2017,

- 01 xe mô tô hiệu Hayate, màu đỏ đen, biển số kiểm soát 69C1-003.78, giá trị 30%: $27.400.000 \text{ đồng} \times 30\% = 8.220.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave RS, màu đỏ đen, bạc biển số kiểm soát 69C1-058.71, giá trị 80%: $9.500.000 \text{ đồng} \times 80\% = 7.600.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu đen, giá trị 60%: $650.000 \text{ đồng} \times 60\% = 390.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia Vinaphone màu trắng, giá trị 60%: $199.000 \text{ đồng} \times 60\% = 119.000 \text{ đồng}$.

Riêng đối với 01 quần Jean màu đen, 01 áo sơ mi ngắn tay màu trắng và 01 đôi giày mọi màu trắng, do không cung cấp được nhãn hiệu nên Hội đồng định giá

không có cơ sở để xác định giá của tài sản. Vì vậy, Hội đồng định giá không tiến hành định giá theo yêu cầu của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Cà Mau.

Tài sản bị mất anh C đã nhận lại một phần, còn lại một điện thoại di động, bộ quần áo và đôi giày không thu hồi được anh không yêu cầu.

Tại cáo trạng số 108/KSĐT-KT ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138; Điểm b,p khoản 1 điều 46; Điều 69,74 BLHS 1999 kiến nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 11/02/2017, Phi chở bị cáo qua nhà ông Lê V C ở số 408/3 Quang Trung, khóm 4, phường 5, Tp.M, bị cáo đi vào nhà thấy ông C và người nhà đang ngủ nên lấy chìa khóa xe để trên đầu tủ ra đầu hẻm lấy chiếc xe Wave RS đi về nhà trọ Lan Anh rủ T và Đ đi Sông Đốc chơi, Đ không đi, T đồng ý đi. Bị cáo chở T quay lại nhà ông C kêu T ở đầu hẻm đợi, rồi đi vào nhà ông C tiếp tục lấy quần jean, áo sơ mi, đôi giày mọi, chìa khóa xe và 02 điện thoại di động rồi đi ra kêu T điều khiển xe Hayate, còn bị cáo điều khiển xe Wave RS đi về hướng U Minh, đến khu vực cầu Khánh An bị cáo và T xảy ra mâu thuẫn, T bỏ xe lại bên lề đường quay về. Bị cáo gửi xe Hayate ở một quán nước gần đó rồi quay về kêu Đ đến chạy xe về dùm. Trên đường đi bị cáo cho Đ 01 điện thoại di động lấy ở nhà ông C, sau khi lấy xe bị cáo để xe Hayate lại nhà trọ Lan Anh và điều khiển xe Wave RS đi chơi rồi đậu xe cách hẻm vào nhà ông C một đoạn và đi bộ về gần nhà ông C thì bị ông C phát hiện bắt giữ, bị cáo dẫn đi thu hồi tài sản rồi ông C thả bị cáo về.

[2] Các chứng cứ cơ quan Công an thu thập trong quá trình điều tra: Bản cung của bị cáo thể hiện tại các bút lục 66 đến 69,120,121; Tờ tự khai của bị cáo bút lục 90 hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa; Lời khai của các nhân chứng ông Kiên, bà Loan, bà Giàu BL 48,50,52 thể hiện các nhân chứng nhìn thấy bị cáo lấy xe của ông C; Lời khai của T bóng là bạn của bị cáo BL 58 cũng

xác định bị cáo là người lấy tài sản của ông C. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của ông C được thẩm định giá gồm hai xe mô tô, và 02 điện thoại di động tổng giá trị còn lại 16.329.000đ.

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa [1] với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với lời khai các nhân chứng và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập được viện dẫn tại [2], thấy rằng bị cáo đã có hành vi lợi dụng lúc gia đình ông C đang ngủ việc quản lý tài sản lỏng lẻo, hai lần lén lút chiếm đoạt tài sản của ông C, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản đúng như VKS đã truy tố.

[4] Bị cáo phạm tội ngày 11/02/2017 ở thời điểm BLHS 1999 đang có hiệu lực nên luật áp dụng để xét xử bị cáo là BLHS 1999, tài sản bị cáo trộm được có giá trị 16.329.000đ nên VKS truy tố bị cáo theo khoản 1 điều 138 BLHS 1999 là có căn cứ.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến tài sản của ông C, gây mất an ninh trật tự khu vực phường 5, Tp.M, bị cáo hai lần lấy tài sản của ông C, cả hai lần giá trị tài sản đều đủ định lượng cấu thành tội trộm, do đó hành vi hai lần trộm của bị cáo bị quy kết là tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS 1999, nên cần có biện pháp xử lý tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên HĐXX có xem xét đến tình tiết khi phạm tội bị cáo còn ở độ tuổi vị thành niên từ 16 đến 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã chỉ chỗ cho bị hại thu hồi được phần lớn tài sản, những tài sản không thu hồi được giá trị không lớn được xem là gây thiệt hại không lớn, những tình tiết này HĐXX cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo trong lúc lượng hình. Bị cáo tuy không có tiền án tiền sự nhưng về nhân thân đã bị Tòa án xét xử hai năm tù về tội trộm cắp khi bị cáo chưa tròn 16 tuổi nên cần cách ly bị cáo một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo.

[6] Đối với các tài sản bị cáo trộm của ông C ngoài những tài sản đã được định giá để truy tố, còn lại không thu hồi được gồm: Một bộ quần áo, một điện thoại và đôi giày mọi màu trắng, khi tiến hành thẩm định giá không có mặt ông C để ông C mô tả, thông tin về tài sản bị mất để định giá, hơn nữa đây không phải là tài sản đặc định, cơ quan thẩm định giá không tiến hành thẩm định, VKS không truy tố bị cáo về việc chiếm đoạt số tài sản này là vi phạm tố tụng quy định tại khoản 4 điều 16 nghị định 26/2005/NĐ-CP về thẩm định giá trong tố tụng hình sự.

Tuy nhiên các tài sản này theo lời khai của ông C giá trị lúc ông mua mới quần 550.000đ, áo 450.000đ, giày mới 650.000đ tổng số 1.650.000đ chưa tính giá trị khấu hao đã qua sử dụng, cộng với số tiền các tài sản đã được thẩm định giá 16.329.000đ, thì tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt vẫn không vượt quá 50.000.000đ, không làm thay đổi khung hình phạt truy tố đối với bị cáo, nên Toà án tiến hành xét xử bị cáo theo khoản 1 điều 138 BLHS 1999 mà không cần trả hồ sơ để bổ sung thủ tục tố tụng. Khi phạm tội bị cáo là vị thành niên, quá trình điều tra truy tố và xét xử bị cáo đã thành niên nên không cần áp dụng các thủ tục vị thành niên đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông C không yêu cầu bị cáo bồi thường số tài sản không thu hồi được.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm bà H có nghĩa vụ nộp thay cho bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 điều 138; Điểm g,h,p khoản 1 điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48; Điều 69; Điều 74 BLHS 1999 tuyên bố bị cáo Nguyễn H L phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 09(Chín) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo thu hình án.

2/ Áp dụng điều 136 BLTTHS bà Cao T H có nghĩa vụ nộp thay cho bị cáo 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm khi án có hiệu lực.

Bị cáo, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;LS
- VKSND Thành phố M
- CAND Thành phố M
- TAND Tỉnh Cà Mau
- Lưu hồ sơ
- Lưu TAND Thành phố M
- Chi cục THADS
- UBND nơi bị cáo cư trú
- VKSND tỉnh Cà Mau

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Ninh Quang Thế